

Số: 06/2025/QĐST-DS

Sông Công, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của BLTTDS năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 500, 502 và Điều 503 của BLDS năm 2015, các Điều 166, 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. 1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến Đ - Sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hà Lâm T - Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 31/10/2024).

1. 2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1957;

Nơi cư trú: TDP T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đồng Huy H - Sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Tổ G, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 02/12/2024).

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X - Sinh năm 1959 (Là vợ ông Q).

Nơi cư trú: T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Đỗ Tiến Đ và vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X thoả thuận, thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập ngày 01/9/2023 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X và bên nhận chuyển nhượng là anh Đỗ Tiến Đ tại thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 17 (*thực tế sử dụng là thửa đất số 1252 tờ bản đồ số 11*) bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Xuân C đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X có trách nhiệm liên hệ với anh Đỗ Tiến Đ để tiến hành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 17 (*thực tế sử dụng là thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 11*), bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Việc chuyển nhượng do các bên tự thoả thuận và thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) để thực hiện thủ tục thu hồi phần diện tích đất đã cấp đổi với thửa đất số 1135, tờ bản đồ 11, diện tích 1008m² (*Mục đích sử dụng RSM*) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 408037 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 23/8/2007 và thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AO 212532 do UBND thành phố T cấp ngày 30/6/2009 tại thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 17, (*thực tế sử dụng là thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 11*) diện tích 4023,6 m² (*Trong đó đất ở tại nông thôn: 900m², đất trồng cây lâu năm: 3.123,6 m²*), phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X có trách nhiệm giao, nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AĐ 408037 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 23/8/2007 và các giấy tờ có liên quan cho Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) để thực hiện thủ tục thu hồi phần diện tích đất đã cấp đổi với thửa đất số 1135, diện tích 1008m², tờ bản đồ 11 phường L, thành phố S theo quy định. Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X có trách nhiệm liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S để thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AO 212532 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 30/6/2009 tại thửa đất số 1252, tờ bản đồ số 17 (*thực tế sử dụng là*

thửa đất số 1252 tờ bản đồ số 11), diện tích 4023,6m² (Trong đó đất ở tại nông thôn: 900m², đất trồng cây lâu năm: 3.123,6 m²), phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

(Có vị trí, sơ đồ thửa đất cụ thể kèm theo Quyết định này)

2.3. Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND thành phố S, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S) thu hồi phần diện tích đất đã cấp đổi với thửa đất số 1135, tờ bản đồ 11, diện tích 1008m² (Mục đích sử dụng RSM) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 408037 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 23/8/2007 (do có sai sót trong việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AO 212532 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 30/6/2009 tại thửa 1252, tờ bản đồ số 17 (thực tế sử dụng là thửa đất số 1252 tờ bản đồ số 11), diện tích 4023,6 m² (Trong đó đất ở tại nông thôn: 900m², đất trồng cây lâu năm: 3.123,6 m²) phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên cho hộ ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị X theo quy định của pháp luật.

(Có vị trí, sơ đồ thửa đất cụ thể kèm theo Quyết định này)

2.4. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận anh Đỗ Tiến Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Anh Đ đã thực hiện xong).

2.5. Về án phí: Anh Đỗ Tiến Đ tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000808 ngày 31 tháng 10 năm 2024. Anh Đ được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- UBND TP. Sông Công, tỉnh TN;

THẨM PHÁN

- Chi nhánh VPĐKĐĐ. TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Toàn